

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao; hình thức xử phạt, mức xử phạt; thẩm quyền xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao là hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thể dục, thể thao do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử phạt hành chính.

3. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm quy định pháp luật về các hành vi bị cấm trong hoạt động thể dục, thể thao;
- b) Vi phạm quy định pháp luật về hoạt động thể thao thành tích cao;
- c) Vi phạm quy định pháp luật về hoạt động, kinh doanh, dịch vụ thể dục, thể thao.

4. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong hoạt động thể dục, thể thao không quy định tại Nghị định này thì được áp dụng theo quy định của các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử lý theo quy định của Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Hình thức phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng có thời hạn Giấy chứng nhận Huấn luyện viên, Giấy chứng nhận Trọng tài;
- b) Tịch thu trang thiết bị, dụng cụ sử dụng, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe người luyện tập, thi đấu thể thao hoặc mang tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc hủy bỏ kết quả tuyển chọn đối với hành vi gian lận về thành tích để tuyển chọn người vào đội tuyển thể thao, các trung tâm và trường năng khiếu thể dục thể thao;
- b) Buộc hủy bỏ kết quả phong cấp đối với hành vi phong đẳng cấp vận động viên, phong cấp huấn luyện viên, trọng tài không đúng quy định pháp luật;
- c) Buộc hủy bỏ hoặc tháo dỡ và chịu mọi chi phí cho việc hủy bỏ, tháo dỡ đối với các hành vi vi phạm về hoạt động quảng cáo trong hoạt động thể dục, thể thao.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CÁC HÀNH VI BỊ CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO

Điều 4. Hành vi sử dụng chất kích thích bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dùng chất kích thích bị cấm trong luyện tập, thi đấu thể thao.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi để vận động viên sử dụng chất kích thích bị cấm trong luyện tập, thi đấu thể thao.

Điều 5. Hành vi sử dụng phương pháp bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp luyện tập và thi đấu thể thao mang tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp luyện tập và thi đấu thể thao gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe người luyện tập, thi đấu, trừ những bài tập, môn thể thao, phương pháp luyện tập và thi đấu được pháp luật cho phép.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu các trang thiết bị, dụng cụ sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 6. Hành vi gian lận trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Gian lận tên, tuổi trong hoạt động thể dục, thể thao;
- b) Gian lận giới tính trong hoạt động thể dục, thể thao;
- c) Gian lận khác về hồ sơ để tuyển chọn, thi đấu thể thao không thuộc quy định tại Điểm a, Điểm b khoản này.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi dụ dỗ, ép buộc người khác gian lận các điều kiện về hồ sơ để được tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch kết quả thi đấu thể thao.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gian lận về thành tích để tuyển chọn người vào đội tuyển thể thao, các trung tâm và trường năng khiếu thể dục thể thao.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả tuyển chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 7. Hành vi bạo lực trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đe dọa xâm phạm sức khỏe, uy tín, bí mật đời tư; đe dọa xâm phạm hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm vận động viên, trọng tài, thành viên Ban tổ chức, người đang thi hành công vụ, huấn luyện viên, trưởng đoàn.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi hành hung vận động viên, trọng tài, thành viên Ban tổ chức, người đang thi hành công vụ, huấn luyện viên, trưởng đoàn.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chơi thô bạo hoặc gây chấn thương, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe vận động viên khác trong luyện tập, thi đấu thể thao trái với luật thi đấu của từng môn thể thao;

b) Có hành vi quá khích hoặc lôi kéo nhóm người quá khích gây ảnh hưởng tới hoạt động và thi đấu thể thao.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cố ý gây thương tích cho trọng tài trong thi đấu thể thao.

Điều 8. Hành vi cản trở hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố ý cản trở hoạt động thể dục, thể thao hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Điều 9. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập luyện, thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chương trình, bài tập của huấn luyện viên;

b) Không thực hiện đúng quy định của luật thi đấu thể thao, điều lệ giải thể thao.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không sơ cứu, cấp cứu kịp thời cho vận động viên;

b) Không có hoặc không có đầy đủ trang thiết bị bảo đảm an toàn cho vận động viên khi luyện tập, thi đấu thể thao.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chi trả hoặc chi trả không đúng chế độ dinh dưỡng đặc thù, tiền công, tiền thưởng và chế độ khác của vận động viên.

Điều 10. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian huấn luyện, thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hoặc không thực hiện kế hoạch, chương trình, giáo án huấn luyện.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao, điều lệ giải thể thao;

b) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho vận động viên.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chi trả hoặc chi trả không đúng tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định pháp luật đối với huấn luyện viên đã huấn luyện được vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận Huấn luyện viên 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của trọng tài thể thao thành tích cao

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định của luật thi đấu thể thao, điều lệ giải thể thao.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chi trả tiền hoặc chi trả không đúng tiền thù lao theo quy định của pháp luật đối với trọng tài thể thao thành tích cao.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trung thực, khách quan trong điều hành thi đấu thể thao.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận Trọng tài 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và 3 Điều này.